

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS - PT
Ngày 24 tháng 5 năm 2022
V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và ông Nguyễn Mạnh Hu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam Th gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLPT- DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS -ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2022/QĐ - PT ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Thanh Hiếu, chức vụ: Chủ tịch UBND xã. Vắng mặt.

3.2. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố Mỹ Khoan, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1967; địa chỉ: Trung tâm cơ khí và xây

lấp số 7, xã L Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

3.4. Bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

3.5. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà H1, bà H2, bà H3: Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.(Văn bản ủy quyền của bà Tiến ngày 21/10/2021; văn bản ủy quyền của bà Hiền ngày 16/10/2021; văn bản ủy quyền của bà Hiền và bà H ngày 22/10/2021).

3.6. Anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Trịnh Văn H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Về hàng thừa kế:

Cụ Trịnh Văn Hu, sinh năm 1928 kết hôn với cụ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1927. Hai cụ sinh được 6 người con gồm: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1959; ông Trịnh Văn L, sinh năm 1960; ông Trịnh Văn H, sinh năm 1962; Bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1965; Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1967; bà Trịnh Thị H, sinh năm 1970. Hai cụ không còn người con nào khác, không có con nuôi, con riêng.

Về di sản thừa kế: Thừa đất số 39, 61, tờ bản đồ PL9, diện tích 640m² tại thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Nguồn gốc thừa đất do cha ông để lại do cụ Hu và cụ Th sử dụng. Trên diện tích đất này có một ngôi nhà ngói 5 gian, 3 gian bếp và một bể nước do các cụ xây dựng từ rất lâu. Cụ Hu và cụ Th đã phân chia một phần diện tích đất trên cho ông L và ông Hoan. Cụ Hu và cụ Th chỉ giữ lại phần diện tích đất 129 m² có ngôi nhà ngói 5 gian và bếp, bể nước trên đất để ở và sinh hoạt. Ngày 26/8/2003 Ủy ban nhân dân(UBND) huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 677265 diện tích 129m², thửa đất số 39 (2), tờ bản số PL9 tại thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Th.

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Hu chết năm 2000, cụ Th chết năm 2010, trước khi chết hai cụ không có di chúc cho ai thừa kế tài sản. Ngày 30 tháng 10 năm 2005 cụ Th đã họp gia đình và phân chia diện tích đất 108 m² cùng 05 gian nhà ngói (phía bắc giáp ông Bình) thờ cúng các cụ giao cho ông L. Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất này ông L đang quản lý và không bị cầm cố, thế chấp. Cụ Hu và cụ Th không còn di sản thừa kế gì khác.

Do ngôi nhà 5 gian xây dựng đã lâu, bị mối mọt, hư hỏng nên năm 2006 ông L đã sửa chữa lại để cụ Th ở, chi phí sửa chữa hết 29.420.000 đồng. Ông L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phần chi phí sửa chữa nhà ông đã bỏ ra. Từ năm 2005 đến nay ông L là người đóng thuế nhà đất nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Cụ Hu và cụ Th chết không để lại nghĩa vụ về tài sản, cụ Hu và cụ Th không nợ ai, cũng không cho ai vay nợ. Chi phí ma chay, cải cát cho cụ Hu và cụ Th do ông L, ông H và các chị em trong gia đình cùng đóng góp. Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn L yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là thửa đất số 39(2), tờ bản đồ PL9, diện tích đất ở 129m² tại thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Th theo quy định của pháp luật.

Ông xin được chia thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ diện tích đất trên cùng ngôi nhà 5 gian, bếp, bể trên đất; ông có trách nhiệm thanh toán kỉ phần thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông L xác định: Năm 2018 anh Trịnh Văn T1 là con trai ông H có làm nhờ mái vẩy lợp tôn gắn vào gian nhà ngang (bếp) của bố mẹ ông, nằm trên phần đất của bố mẹ ông, nay ông yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm tự tháo dỡ và di dời mái tôn này để trả lại không gian thửa đất.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn H trình bày: Về hàng thừa kế nêu trên là đúng. Về di sản thừa kế, bố mẹ ông chỉ có diện tích đất 129m² cùng ngôi nhà 5 gian và bếp, bể nước để ở, sinh hoạt. Năm 2003 UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng diện tích 129m² đất ở thuộc thửa đất số 39(2), tờ bản đồ PL9. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ông L đang quản lý và không bị cầm cố, thế chấp. Năm 2005 mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Th đã họp gia đình giao cho ông L 100m² đất cùng ngôi nhà 5 gian để làm nhà thờ, còn lại 29m² đất thì trước đó mẹ ông đã bán cho ông nhưng không có giấy tờ mua bán.

Về công sức đóng góp sửa nhà, nộp thuế nhà đất và nghĩa vụ về tài sản đều do ông L chi trả hết bao nhiêu thì ông không biết. Ông L không có công sức đóng góp gì trong việc hình thành, tôn tạo, bảo quản thửa đất và tài sản trên đất nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bố mẹ thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng thửa đất như trong giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất để làm nhà thờ. Còn trường hợp ông L nhất quyết yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông có ý kiến: Theo trích lục bản đồ địa chính thì thửa đất số 39(2), tờ bản số PL9, diện tích 129m² đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Th nằm phía dưới, giáp đất của ông, còn thửa đất số 39(1), tờ bản đồ PL9, diện tích 130m² đứng tên ông ở phía trên giáp đất hộ ông Thanh, trên diện tích đất này có ngôi nhà 5 gian, bếp, bể nước của bố mẹ ông để lại. Nếu Tòa án chia thừa kế thì phải xác định thửa đất số 39(2), tờ bản số PL9, diện tích 129m² đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Th nằm giáp đất của ông, không có nhà, bếp, bể nước mới là di sản thừa kế của bố mẹ ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H đều thống nhất xác định: Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, công sức đóng góp, chi phí ma chay, cải cát, thuê nhà đất các bà nhất trí ý kiến của ông Trịnh Văn L đã trình bày. Nay xảy ra tranh chấp, các bà đều nhất trí chia di sản thừa kế của cụ Hu, cụ Th theo quy định của pháp luật, phần di sản các bà được hưởng thì các bà xin nhận bằng hiện vật và tặng lại cho ông L để thờ cúng tổ tiên.

- Anh Trịnh Văn T1 trình bày: Anh là con đẻ của ông Trịnh Văn H. Năm 2018 anh có làm một mái vẩy lợp tôn gắn vào gian nhà ngang cấp 4 (bếp) của ông bà nội anh là cụ Trịnh Văn Hu và cụ Nguyễn Thị Th có chiều rộng 1,9m, chiều dài 5,2m. Anh nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Bảng, giá trị còn lại của mái vẩy lợp tôn là 1.507.700 đồng. Anh xác định mái vẩy lợp tôn của anh nằm trên thửa đất đứng tên bố anh là ông Trịnh Văn H nên anh không yêu cầu bố anh thanh toán số tiền 1.507.700 đồng cho anh và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn trong trường hợp có căn cứ xác định mái vẩy lợp tôn của anh nằm trên thửa đất đứng tên hộ cụ Nguyễn Thị Th mà Tòa án phân chia thừa kế, thì ai được sử dụng phần đất có mái vẩy lợp tôn này phải có trách nhiệm thanh toán cho anh số tiền 1.507.700 đồng.

- Ông Ngô Thanh H5, Chủ tịch UBND xã UBND xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam trình bày: Theo hồ sơ quản lý đất đai do UBND xã Đ lưu giữ thì thửa đất số 39, tờ bản đồ PL9 có tổng diện tích 259m² tại thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng hiện nay vẫn là thửa chung đứng tên 02 hộ sử dụng là hộ cụ Nguyễn Thị Th và hộ ông Trịnh Văn H, chưa được tách thửa riêng, trong đó hộ cụ Th được quyền sử dụng 129m² thuộc thửa 39(2), hộ ông H được quyền sử dụng 130m² thuộc thửa 39(1). Tuy nhiên, căn cứ theo kết quả trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 16/11/2021 thì thửa đất số 39 nêu trên có tổng diện tích là 271m², như vậy là thừa ra 12m² so với diện tích thực tế được Nhà nước giao. Quan điểm của UBND xã Đ xác định phần diện tích đất dư thừa nêu trên là do ông *Trịnh Văn H xây tường bao lấn sang phần đất ngõ xóm do*

UBND xã Quản lý. Do đó, phần diện tích đất để chia thừa kế vẫn đủ theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Nhà nước cấp. Còn lại diện tích đất thừa không ảnh hưởng gì đến việc chia thừa kế nên UBND xã không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau này UBND xã sẽ làm việc trực tiếp với hộ sử dụng đất để xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS -ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã quyết định.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 213, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Trịnh Văn L.

2. Xác định thửa đất ở số 39(2) tờ bản đồ PL9, diện tích 129m², địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 677265 ngày 26/8/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Th thuộc quyền sử dụng của cụ Trịnh Văn Hu và cụ Nguyễn Thị Th, mỗi người đều được quyền sử dụng 64,5m². (Có trích đo vị trí thửa đất kèm theo).

3. Xác định diện và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trịnh Văn Hu gồm cụ Nguyễn Thị Th, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn H, Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H. Xác định diện và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Th gồm ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn H, Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H.

4. Xác định giá trị di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn Hu để lại là diện tích đất ở 64,5m² x 5.000.000 đồng/m² = 322.500.000 đồng: 07 ki phần = 46.071.500 đồng.

Xác định giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th để lại là diện tích đất ở 64,5m² x 5.000.000 đồng/m² = 322.500.000 đồng + ki phần cụ Th được hưởng của cụ Hu là 46.071.500 đồng = 368.571.500 đồng: 06 ki phần = 61.428.500 đồng.

5. Phân chia di sản thừa kế như sau:

Chia cho ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn H, Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H mỗi người được hưởng phần di sản của cụ Trịnh Văn Hu giá trị thành tiền là 46.071.500 đồng và được hưởng phần di sản của cụ Nguyễn Thị Th là 61.428.500 đồng. Tổng cộng là 107.500.000 đồng.

Giao cho ông Trịnh Văn L được sử dụng toàn bộ diện tích đất của cụ Trịnh Văn Hu là 64,5m² đất ở và của cụ Nguyễn Thị Th là 64,5m² đất ở, tổng cộng là 129m² đất ở tại địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 677265 ngày 26/8/2003 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Th. Trên thửa đất này ông L được quản lý, sử dụng 01 nhà cấp bốn 5 gian mái ngói, 01 nhà ngang (bếp) mái ngói và 01 bể nước đều đã cũ, hết khấu hao, không còn giá trị. Song ông L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho ông Trịnh Văn H, Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H mỗi kì phần là 107.500.000đ (một trăm linh bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H tặng cho ông L kì phần thừa kế được hưởng.

6. Buộc anh Trịnh Văn T1 phải có nghĩa vụ tự tháo dỡ, di dời phần mái tôn có kích thước (1,9 x 5,2) m đã làm trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh Văn L.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trịnh Văn L và bà Trịnh Thị Tiến. Ông Trịnh Văn H, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H mỗi người phải chịu 5.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định:

- Ngày 26 tháng 01 năm 2022, ông Trịnh Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 09/2022/DS -ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án theo hướng giữ nguyên thửa đất số 39 (2), tờ bản đồ PL9 tại xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam trong đó có diện tích là 100 m² để làm nơi thờ cúng tổ tiên, còn lại 29 m² ông H đã mua của cụ Th gộp vào thửa 39 (1) đứng tên ông Hoan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo ông Trịnh Văn H có ý kiến như sau: Đề nghị sử dụng 100 m² đất của cụ Nguyễn Thị Th tại thửa thửa 39 (2) tờ PL 09 sử dụng vào việc thờ cúng, trên đất có nhà, bếp, công trình vật kiến trúc trên đất xây dựng hơn

100 năm nay, nhất trí tiếp tục giao cho ông Trịnh Văn L quản lý, trông coi sử dụng đất, tài sản trên đất vào việc thờ cúng. Phần đất còn lại là 29 m² năm 2005 cụ Th đã chuyển nhượng cho ông Hoan, nhưng ông thừa nhận không có văn bản, giấy tờ, tài liệu để chứng minh vì mua bán miệng, ông không nhớ giá trị đất chuyển nhượng là bao nhiêu. Hiện nay con trai ông là anh T1 đã làm lán, vật kiến trúc trên đất. Đề nghị trả lại cho ông H29 m² đất gộp vào thửa 39 (1) tờ PL 09 để ông sử dụng, không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất.

- Ông Trịnh Văn L đồng thời là người đại diện theo quỹ quyền cho bà Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H có ý kiến như sau: Nhất trí sử dụng toàn bộ thửa 39 (2) tờ PL 09 diện tích 129 m² và toàn bộ tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn Hu và cụ Nguyễn Thị Th vào việc thờ cúng tổ tiên, kể cả phần ông có công sức kiến thiết bảo quản di sản. Ý kiến của ông L cho rằng cụ Th chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H là không đúng, tuy nhiên ông tự nguyện thanh toán trả ông H29 m² đất ở như giá đất đã định giá tại cấp sơ thẩm 5.000.000 đồng/m². Ông L cam đoan không cản trở quyền thờ cúng trên đất của các đồng thừa kế, ông có trách nhiệm tự thực hiện mọi nghĩa vụ tài chính với nhà nước, không yêu cầu công sức. Các vấn đề khác nhất trí như Bản án sơ thẩm.

- Bà bà Trịnh Thị H trình bày: Nhất trí như ý kiến của ông Trịnh Văn L. Cụ Th không bán, chuyển nhượng cho ông H đất, khi còn sống cụ Th dự định cho ông H29 m² đất, ý kiến của ông H cho rằng cụ Th bán cho ông đất là không đúng.

- Anh Trịnh Văn T1 trình bày: Anh đã làm lán tôn vật kiến trúc trên đất từ năm 2018, khi xây dựng không có ý kiến của các đồng thừa kế khác vì khi đó các con của cụ Th chưa có xích mích nên không ai phản đối.

- Đại diện Viện Kiểm Sát có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên không có ý kiến gì theo quy định tại Điều 306 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về “*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm*”. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa xác minh mốc giới vị trí đất chia cho ông L sử dụng như Bản án sơ thẩm đã giao cho ông L sử dụng toàn bộ thửa 39 (2) tờ PL 09 diện tích 129 m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn H trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án

thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị ngừng phiên tòa để xác minh mốc giới là không phù hợp. Vì cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định tại chỗ theo đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận vị trí đất, công trình nhà của cụ Hu và cụ Th kiến thiết hơn 100 năm là di sản thừa kế; chính quyền địa phương đã có ý kiến về vấn đề này tại giai đoạn sơ thẩm, và Bản án sơ thẩm không phân chia thừa đất mà đã giao cho ông L sử dụng toàn bộ thửa đất 39 (2), tờ bản đồ PL9 diện tích là 129 m².

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

Đối với ý kiến của ông H cho rằng cụ Th đã chuyển nhượng cho ông 29 m² đất ở. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông H cũng thừa nhận không có giấy tờ, tài liệu chứng minh việc chuyển nhượng, không nhớ giá trị chuyển nhượng đất là bao nhiêu, chỉ nhớ mua đất khoảng năm 2005, các đương sự khác đều không nhất trí với ý kiến của ông Hoan. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H đề nghị công nhận 29 m² đất cụ Th đã chuyển nhượng cho ông Hoan. Mặc dù không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông L tự nguyện thanh toán cho ông H 29 m² x 5.000.000 đồng trị giá 145.000.000 đồng là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện.

Ông Trịnh Văn H đề nghị sử dụng 100 m² đất ở thửa đất số 39 (2), tờ bản đồ PL9 là di sản thừa kế sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên và giao cho ông L là con cả có trách nhiệm quản lý, trông coi, bảo quản di sản thờ cúng. Tại văn bản ngày 7 tháng 04 năm 2022 và tại phiên tòa phúc thẩm ông Trịnh Văn L nhất trí sử dụng toàn bộ thửa đất số 39 (2), tờ bản đồ PL9 diện tích 129 m² và tài sản trên đất vào việc thờ cúng như yêu cầu kháng cáo của ông Hoan; đề nghị giao cho ông quản lý, sử dụng toàn bộ di sản thờ cúng tổ tiên, ông L không cản trở quyền thờ cúng của các đồng thừa kế khác. Như vậy, các đồng thừa kế đã thỏa thuận sử dụng di sản thừa kế tại thửa đất số 39 (2), tờ bản đồ PL 9 tại xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên và giao cho ông L có trách nhiệm quản lý trông coi, bảo quản di sản là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận và là căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoan, sửa Bản án sơ thẩm theo thỏa thuận của các đương sự.

Anh T1 xây dựng tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ Hu, cụ Th không có căn cứ pháp luật nên cần buộc anh Trịnh Văn T1 phải có nghĩa vụ tự tháo dỡ, di dời phần mái tôn có kích thước (1,9 x 5,2) m và toàn bộ tài sản xây dựng trên

đất của cụ Hu và cụ Th để giao cho ông Trịnh Văn L được giao quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng.

Về chi phí tố tụng: Ông Trịnh Văn L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, ông L đã nộp đủ.

Về án phí sơ thẩm: Do di sản thừa kế sử dụng vào việc thờ cúng nên không chia giá trị tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế. Vì vậy, các đương sự không phải chịu án phí theo giá trị tài sản được hưởng. Ông L được miễn án phí sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Văn H đề nghị công nhận quyền sử dụng 29 m² đất ở tại thửa số 39(2) tờ bản đồ PL9. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông H về việc sử dụng di sản vào thờ cúng.

- Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS -ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng theo thỏa thuận của đương sự.

Căn cứ các Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 213, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

+ Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trịnh Văn Hu và cụ Nguyễn Thị Th gồm: ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn H, Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H.

+ Xác nhận thửa 39(2) tờ bản đồ PL9, diện tích 129m² đất ở, địa chỉ: Thôn 2 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam là di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn Hu và cụ Nguyễn Thị Th.

+ Chấp nhận sự thỏa thuận của Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn H, Bà Trịnh Thị T, Bà Trịnh Thị H2, Bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị H: Giao cho ông Trịnh Văn L quản lý, trông coi sử dụng thửa đất ở số 39(2) tờ bản đồ PL9, diện tích 129m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất vào việc thờ cúng. (Có trích đo vị trí thửa đất kèm theo). Không ai được cản trở quyền quản lý, trông coi, bảo quản di sản của ông L. Ông Trịnh Văn L được quyền đăng ký biến động đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với di sản thờ cúng với tư cách đại diện các đồng thừa kế. Ông L phải tự chịu trách nhiệm nộp nghĩa vụ tài chính với Nhà

nước, không được thanh toán công trông coi bảo quản di sản thờ cúng. Hoan Và các đồng thừa kế không được cản trở quyền thờ cúng của nhau tại thửa đất số 39(2) tờ bản đồ PL9.

Buộc anh Trịnh Văn T1 phải tháo dỡ, di dời phần mái tôn có kích thước (1,9 x 5,2) m và toàn bộ vật kiến trúc trên phần đất của cụ Hu cụ Th để trả lại mặt bằng giao cho ông Trịnh Văn L quản lý di sản thờ cúng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trịnh Văn L thanh toán 29 m² đất ở trị giá 145.000.000 đồng trả ông Trịnh Văn H. Ông Trịnh Văn H được quyền sở hữu số tiền do ông L thanh toán là 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Về chi phí tố tụng: Ông Trịnh Văn L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, ông L đã nộp đủ.

Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho ông Trịnh Văn L.

Án phí phúc thẩm: Ông Trịnh Văn H không phải chịu.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND huyện Kim Bảng;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Trường

